

**Lưu ý nội dung mới luật Quản lý thuế
số 56/2024/QH15; Chế độ hóa đơn, chứng từ theo Nghị
định số 70/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/06/2025.**

Giảng viên: Lê Thị Duyên Hải
Nguyên Vụ trưởng Vụ Kế khai và Kế toán thuế - Tổng cục Thuế
Ngày 24/04/2025

**NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT SỐ 56/2024/QH15 SỬA ĐỔI BỔ SUNG
LUẬT QUẢN LÝ THUẾ SỐ 38/2019/QH14**

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

❖ Mục tiêu sửa đổi bổ sung:

1. Về hoàn thiện quy định để tháo gỡ vướng mắc về cơ chế chính sách, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý thuế, tăng cường trách nhiệm công vụ để đảm bảo công bằng, bình đẳng, minh bạch, thống nhất trong hệ thống văn bản pháp luật trong thực hiện thủ tục hành chính thuế
2. Về tạo nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội thông qua mở rộng cơ sở thu, chống thất thu thuế, nhất là hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

❖ DM 1:

Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến nguyên tắc quản lý thuế tại **khoản 2 Điều 5 Luật Quản lý thuế** quy định rõ trách nhiệm của công chức thuế “Công chức quản lý thuế chịu trách nhiệm giải quyết hồ sơ thuế theo đúng chức trách, nhiệm vụ, tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan trong phạm vi hồ sơ, tài liệu của người nộp thuế cung cấp, văn bản thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp có liên quan đến giải quyết hồ sơ thuế của người nộp thuế.”. Bên cạnh đó, bổ sung K1 Đ72 về tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế để làm rõ trách nhiệm áp dụng quản lý rủi ro, ban hành các quy trình nội bộ, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin để phân loại hồ sơ hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước hoặc kiểm tra trước hoàn thuế và giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định

Đồng thời **sửa đổi, bổ sung K2 Điều 17** về trách nhiệm của NNT phải “khai chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế đúng thời hạn; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của hồ sơ thuế và các tài liệu cung cấp cho cơ quan thuế trong quá trình giải quyết hồ sơ thuế theo quy định của pháp luật về thuế”

=> Trước đây do chưa có quy định này, CQT chưa rõ giới hạn về phạm vi trách nhiệm trong giải quyết hồ sơ thuế dẫn đến tâm lý thận trọng, yêu cầu NNT cung cấp giải trình bổ sung tài liệu vượt quá quy định, gây chậm trễ phiền hà cho NNT đồng thời rủi ro khi NNT có sai phạm và khi cơ quan pháp luật rà soát, xử lý sai phạm của NNT dẫn đến trách nhiệm giải quyết hồ sơ của công chức thuế

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

ĐM 2.

Sửa đổi quy định về trả lãi tại **khoản 8 Điều 16** về quyền của người nộp thuế “**Được bồi thường thiệt hại do cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế gây ra theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước**”, **bãi bỏ** **khố 2 Khoản 2 Điều 61** quy định về trả tiền lãi và bãi bỏ khoản 3 Điều 75 về Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế.

Trước đây:

Tại **Khoản 3 Điều 75 Luật Quản lý thuế** quy định về thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế: “3. Quá thời hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, nếu việc chậm ban hành quyết định hoàn thuế do lỗi của cơ quan quản lý thuế thì ngoài số tiền thuế phải hoàn trả, cơ quan quản lý thuế còn phải trả tiền lãi với mức 0,03%/ngày tính trên số tiền phải hoàn trả và số ngày chậm hoàn trả. Nguồn tiền trả lãi được chi từ ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

Khố 2 Khoản 2 Điều 61: “Người nộp thuế có quyền yêu cầu cơ quan quản lý thuế trả tiền lãi theo mức 0,03%/ngày tính trên số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa. Nguồn tiền trả lãi được chi trả từ ngân sách trung ương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

❖ **ĐM3:**

Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 42 bỏ cụm từ “không có cơ sở thường trú” tại khoản 4 Điều 42 để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thuế, không để sót nguồn thu; đồng thời tạo điều kiện cho các NCCNN “có cơ sở thường trú” khai nộp thuế qua Cổng TTĐT của Tổng cục Thuế “4. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

❖ **ĐM4:**

Bổ sung khoản 4a vào Điều 42 quy định trách nhiệm của tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch TMĐT, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và giao Chính Phủ quy định chi tiết phạm vi trách nhiệm, cách thức tổ chức quản lý sàn giao dịch TMĐT, quản lý nền tảng số và các hoạt động kinh tế số khác thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ; quy định hồ sơ, thủ tục khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế của các hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên sàn TMĐT, trên nền tảng số.

=> Hiện Nghị định đang hoàn thiện trình Chính Phủ ban hành

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

❖ **ĐM 5:**

Sửa đổi, bổ sung K1 Điều 47 về Khai bổ sung hồ sơ khai thuế đảm bảo đồng bộ với Luật thuế GTGT sửa đổi số 48/2024/QH15. Theo đó, NNT chỉ được khai bổ sung trong các trường hợp:

- Trước khi CQT, cơ quan có thẩm quyền công bố QĐ thanh tra, kiểm tra
- Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định

Bãi bỏ K2, K3 Điều 47 về Khai bổ sung hồ sơ khai thuế, theo đó, kể từ thời điểm CQT, cơ quan có thẩm quyền công bố QĐ thanh tra, kiểm tra, NNT không được khai bổ sung hồ sơ thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định.

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

❖ **ĐM6:**

Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 Điều 59 như sau: “b) Thời gian tính tiền chậm nộp được tính liên tục kể từ ngày tiếp theo ngày cuối cùng của thời hạn nộp thuế, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo hoặc quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế đến ngày liền kề trước ngày số tiền nợ thuế, tiền thu hồi hoàn thuế, tiền thuế tăng thêm, tiền thuế ấn định, tiền thuế chậm chuyển đã nộp vào ngân sách nhà nước.”

=> Để phù hợp, thống nhất quy tắc về thời gian tính tiền chậm nộp, trường hợp phải nộp tiền chậm nộp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 59 Luật Quản lý thuế và điểm b, điểm c khoản 6 Điều 8 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

❖ **ĐM7:**

Sửa đổi quy định về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh tại **khoản 1 Điều 66** và

bỏ quy định khoản 7 Điều 124 Luật Quản lý thuế nhằm nâng cao hiệu quả thu nợ thuế, thực hiện thống nhất, theo đó, K1 Đ66 quy định rõ đối tượng bị cưỡng chế nợ thuế do chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế bị cấm xuất cảnh bao gồm: Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài xuất cảnh từ Việt Nam. Đồng thời quy định rõ CQT phải thông báo cho NNT biết.

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

❖ DM7:

Chính Phủ cũng đã ban hành Nghị định số 49/2025/CP-NĐ ngày 28/2/2025 quy định về ngưỡng tạm hoãn xuất cảnh, theo đó, ngưỡng tiền thuế nợ và thời gian nợ trong các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh như sau:

1. **Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh** thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có số tiền thuế nợ **từ 50 triệu đồng trở lên** và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày.

2. **Cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã** thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có số tiền thuế nợ từ **500 triệu đồng** trở lên và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày.

3. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã **không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký** có số tiền **thuế nợ quá thời hạn** nộp theo quy định và **sau thời gian 30 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế thông báo** về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

4. **Người Việt Nam xuất cảnh** để định cư ở nước ngoài, **người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam** có số tiền **thuế nợ quá thời hạn** nộp theo quy định mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế

=> CQT có trách nhiệm thông báo cho NNT trước khi gửi đề nghị tạm hoãn xuất cảnh cho CQ XNC; NNT có trách nhiệm tiếp nhận các thông báo của CQT bằng phương thức điện tử theo quy định tại NĐ 49 này

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

❖ **ĐM8:**

Sửa đổi, bổ sung tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều 125 và bổ sung thêm điểm d khoản 3 Điều 125 Luật Quản lý thuế nhằm nâng cao hiệu quả công tác cưỡng chế nợ thuế, tăng tính linh hoạt trong việc áp dụng đồng thời các biện pháp cưỡng chế phù hợp với thực tế tại cơ quan thuế. Bảo đảm thu đúng, thu đủ, thu kịp thời vào ngân sách nhà nước, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Điểm mới sửa đổi bổ sung Luật QLT tại Luật 56/2024/QH14

❖ **ĐM 9:**

Sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định hoàn thuế tại **khoản 1 Điều 76** bổ sung thẩm quyền quyết định hoàn thuế của Cục trưởng Cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục trưởng Chi cục Thuế và Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực.

=> Cục Thuế có công văn số 204/CT-CS ngày 19/3/2025 về việc xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước trong các văn bản quy phạm pháp luật về thuế, theo đó, Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế TMĐT, DNL, khu vực, Đội trưởng Đội thuế có thẩm quyền quyết định hoàn thuế

**NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 70/2025/NĐ-CP SỬA ĐỔI BỔ
SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 123/2020/NĐ-CP VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ**

Nội dung

- I. Điểm mới về quy định chung
- II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn
- III. Điểm mới về điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã lập
- IV. Điểm mới về đăng ký hóa đơn, ngừng sử dụng hóa đơn
- V. Điểm mới về chứng từ điện tử
- VI. Điểm mới về tra cứu, sử dụng hóa đơn điện tử
- VII. Điểm mới về trách nhiệm của các bên liên quan
- VIII. Một số nội dung khác
- IX. Điểm mới về biểu mẫu

I. Điểm mới về quy định chung

❖ 1.1. Đối tượng áp dụng (Điều 2):

- **Bổ sung điểm e vào khoản 1, Điều 2 ND 123 về đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử là: “Nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác đăng ký tự nguyện sử dụng hóa đơn điện tử”**
 - Là đối tượng sử dụng loại hóa đơn giá trị gia tăng (**bổ sung tại điểm d khoản 1 Điều 8**)
 - Đồng bộ với quy định **tại K4 Điều 4, điểm a3 khoản 2 Điều 12 Luật 48 về Thuế GTGT**

❖ Trước đây:

- Chưa có quy định Nhà cung cấp nước ngoài thuộc đối tượng sử dụng hóa đơn.
- NCCNN đăng ký thuế, khai thuế theo quy định tại Thông tư 80/2021/TT-BTC

I. Điểm mới về quy định chung

❖ 1.2. Giải thích từ ngữ (Điều 3 NĐ 123)

- **Bổ sung điểm c, điểm d Khoản 2** giải thích từ ngữ *“Hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền”, “Máy tính tiền”*

=>liên quan đến quy định đối tượng bắt buộc phải sử dụng máy tính tiền chuyển dữ liệu đầy đủ theo định dạng đến CQT quy định tại Điều 12 NĐ 123

- **Bổ sung** giải thích từ ngữ *“Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn điện tử dành cho người nộp thuế”*. (TCT nay là Cục Thuế)

=>liên quan đến quy định NNT bắt buộc phải giao dịch với CQT bằng phương thức điện tử

- **Sửa đổi, bổ sung** giải thích từ ngữ *“Chứng từ điện tử” => bỏ liệt kê đảm bảo bao quát đầy đủ hơn*

- **Bãi bỏ Khoản 10** giải thích từ ngữ *“Hủy hóa đơn, chứng từ”*.

=>liên quan đến bỏ quy định hủy hóa đơn, chứng từ tại Điều 19 NĐ 123

- **Sửa đổi, bổ sung Khoản 11** giải thích từ ngữ *“Tiêu hủy hóa đơn, chứng từ”*.

=>bổ sung thời hạn tiêu hủy sau khi hết thời hạn lưu trữ hóa đơn chứng từ tại Điều 6 NĐ 123

I. Điểm mới về quy định chung

❖ 1.3. Nguyên tắc lập, quản lý, sử dụng hóa đơn, chứng từ (Điều 4)

- **Bổ sung** khoản 9 quy định tích hợp biên lai thu phí và hóa đơn điện tử trên cùng một định dạng điện tử để thuận lợi cho người mua hàng hóa, dịch vụ và thuận lợi trong việc triển khai chuyển đổi số, việc khai thuế, phí lệ phí thực hiện theo quy định.

=> Liên quan đến các doanh nghiệp được ủy quyền thu phí, lệ phí

❖ Trước đây:

- Do chưa có quy định tại ND mà chỉ được Bộ Tài chính cho thí điểm theo trường hợp cụ thể

I. Điểm mới về quy định chung

❖ 1.4. Bổ sung các hành vi vi bị cấm trong lĩnh vực hóa đơn, chứng từ (Điều 5) – 2 điểm mới

- **Bổ sung điểm a khoản 2** hành vi làm giả hóa đơn, chứng từ để thực hiện hành vi trái pháp luật;
- **Bổ sung điểm đ khoản 2** hành vi không chuyển dữ liệu về cơ quan thuế theo quy định

=> Liên quan đến dự thảo sửa đổi bổ sung Nghị định 125 về xử phạt vi phạm đối với các hành vi này

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

❖ 2.1. Loại hóa đơn (Điều 8) – 4 điểm mới

- **ĐM1:** Bổ sung điểm đ, K1 hóa đơn GTGT đối với NCCNN

=> Liên quan đến Điều 4 bổ sung đối tượng áp dụng

- **ĐM2:** Sửa đổi, bổ sung điểm b K2 quy định về loại hóa đơn của doanh nghiệp chế xuất có hoạt động kinh doanh khác (ngoài hoạt động chế xuất) khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp thì sử dụng hóa đơn bán hàng, khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thì sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng.

⇒ Trước đây chưa quy định tại NĐ 123

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

❖ 2.1. Loại hóa đơn (Điều 8) – 4 điểm mới

- **ĐM3: Bổ sung điểm 2a** loại hóa đơn thương mại điện tử áp dụng đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (người xuất khẩu) có hoạt động xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài mà người xuất khẩu đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế đáp ứng quy định về nội dung hóa đơn tại Điều 10 Nghị định và đáp ứng quy định về định dạng chuẩn dữ liệu của cơ quan thuế tại Điều 12 Nghị định .
- ⇒ Trường hợp người xuất khẩu không đáp ứng điều kiện chuyển dữ liệu hóa đơn thương mại bằng phương thức điện tử đến cơ quan thuế thì lựa chọn lập hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử như trước đây.
- **ĐM4: Sửa đổi, bổ sung K3** về hóa đơn bán tài sản công theo hướng không nêu cụ thể mà tham chiếu pháp luật có liên quan

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

❖ 2.2. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9) – 13 điểm mới

- **ĐM1: Bổ sung** K1 thời điểm lập hóa đơn đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu) (lập hóa đơn thương mại điện tử hoặc hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử): *do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan.*
 - ⇒ Trước đây chưa có quy định nên phát sinh nhiều vướng mắc, Tổng cục Thuế (Nay là Cục Thuế) có văn bản trả lời thực hiện theo quy định tại Thông tư 119/2014/TT-BTC, Thông tư 39/2018/TT-BTC
- **ĐM2: Bổ sung** K2 quy định rõ hơn thời điểm lập hóa đơn đối với dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài như đối với dịch vụ trong nước là thời điểm hoàn thành việc cung cấp dịch vụ không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
 - ⇒ Trước đây chưa quy định rõ nên phát sinh nhiều vướng mắc, Tổng cục Thuế (Nay là Cục Thuế) đã có văn bản trả lời

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

❖ 2.2. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

- **ĐM3: Bổ sung điểm a K4** các trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước đối với: **cung cấp dịch vụ hỗ trợ vận tải đường sắt, dịch vụ quảng cáo truyền hình, dịch vụ thương mại điện tử, dịch vụ ngân hàng (trừ hoạt động cho vay), chuyển tiền quốc tế, dịch vụ chứng khoán, xử lý số điện toán, thu phí sử dụng đường bộ giữa nhà đầu tư và nhà cung cấp dịch vụ thu phí và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.**
- **ĐM4: Bổ sung điểm e K4** Đối với hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao của tháng nhưng **chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế.**
- => Trước đây : chậm nhất không quá 07 ngày kể tiếp kể từ ngày bên bán gửi thông báo lượng khí giao hàng tháng

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

❖ 2.2. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

- **ĐM5:** Bỏ điểm g K4 về về thời điểm lập hóa đơn cuối ngày đối với hoạt động kinh doanh thương mại bán lẻ, kinh doanh dịch vụ ăn uống theo mô hình hệ thống cửa hàng bán trực tiếp đến người tiêu dùng nhưng việc hạch toán toàn bộ hoạt động kinh doanh thực hiện tại trụ sở chính.

=> thực hiện theo quy định hóa đơn điện tử máy tính tiền chuyển dữ liệu đến cơ quan thuế

- **ĐM6:** Bỏ quy định tại điểm l K4 về lập hóa đơn tổng cuối ngày hoặc cuối tháng đối với các dịch vụ ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, dịch vụ chuyển tiền qua ví điện tử, dịch vụ ngừng và cấp điện trở lại của đơn vị phân phối điện cho người mua là cá nhân không kinh doanh, không có nhu cầu lấy hóa đơn.

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

❖ 2.2. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

- **ĐM7:** Thay thế điểm I K4 (đồng thời tách bổ sung mới các điểm p, q, r), theo đó, điểm I quy định về thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động cho vay được xác định theo kỳ hạn thu lãi tại hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng đi vay, trừ trường hợp đến kỳ hạn thu lãi không thu được và tổ chức tín dụng theo dõi ngoại bảng theo quy định pháp luật về tín dụng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu được tiền lãi vay của khách hàng. Trường hợp trả lãi trước hạn theo hợp đồng tín dụng thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm thu lãi trước hạn.

=> Trước đây: trường hợp NNT không kinh doanh có nhu cầu lấy hóa đơn thì căn cứ bảng kê lập hóa đơn tổng cuối tháng cung cấp cho khách hàng. Thực tế các NHTM thực hiện khác nhau, không có sự thống nhất, ảnh hưởng đến bên sử dụng dịch vụ

- **ĐM8:** Tại điểm I K4 bổ sung thời điểm lập hóa đơn đối với hoạt động đại lý đổi ngoại tệ, hoạt động cung ứng dịch vụ nhận và chi, trả ngoại tệ của tổ chức kinh tế của tổ chức tín dụng là thời điểm đổi ngoại tệ, thời điểm hoàn thành dịch vụ nhận và chi trả ngoại tệ.

=> Trước đây chưa có quy định cụ thể đối với trường hợp này

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

❖ 2.2. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

- **ĐM 9:** Sửa đổi, bổ sung điểm m K4 thời điểm lập hóa đơn đối với kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi có sử dụng phần mềm tính tiền, tại thời điểm kết thúc chuyến đi thực hiện lập hóa đơn và chuyển dữ liệu hóa đơn tới cơ quan thuế.

=> chuyển các quy định về nội dung hóa đơn sang Điều 10, đồng thời, đảm bảo bắt buộc phải sử dụng và thực hiện theo quy định hóa đơn điện tử máy tính tiền

- **ĐM 10:** Tại điểm n khoản 4 thay thế cụm từ “cơ sở y tế kinh doanh dịch vụ khám chữa bệnh” thành “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh” và **bổ sung** quy định “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh lập hóa đơn cho cơ quan bảo hiểm xã hội tại thời điểm được cơ quan bảo hiểm xã hội thanh, quyết toán chi phí khám, chữa bệnh cho người có thẻ bảo hiểm y tế” để phù hợp với Luật Bảo hiểm y tế.

=> Trước đây: chưa có quy định cụ thể về thời điểm lập hóa đơn cho cơ quan BHXH nên TCT có một số văn bản trả lời

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

❖ 2.2. Thời điểm lập hóa đơn (Điều 9)

- **ĐM11:** **Bổ sung điểm p K4** về thời điểm lập hóa đơn của hoạt động kinh doanh bảo hiểm *là thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.*
- **ĐM12:** **Bổ sung điểm q K4** về thời điểm lập hóa đơn hoạt động kinh doanh vé xổ số truyền thống, xổ số biết kết quả ngay theo hình thức bán vé số in sẵn đủ mệnh giá cho khách hàng: *sau khi thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết và chậm nhất là trước khi mở thưởng của kỳ tiếp theo thì doanh nghiệp lập 01 hóa đơn giá trị gia tăng điện tử có mã của cơ quan thuế cho từng đại lý là tổ chức, cá nhân cho vé xổ số được bán trong kỳ gửi cơ quan thuế cấp mã cho hóa đơn.*
- **ĐM13:** **Bổ sung** thời điểm lập hóa đơn hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng: *“là 01 ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu, đồng thời doanh nghiệp kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng chuyển dữ liệu ghi nhận số tiền thu được (do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng) trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi (do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết) theo Mẫu 01/TH-DT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế cùng thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Ngày xác định doanh thu là khoảng thời gian từ 0 giờ 00 phút đến 23 giờ 59 phút cùng ngày.”*

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

2.3. Nội dung của hóa đơn (Điều 10)- 6 điểm mới

ĐM1: Bổ sung K5 nội dung thông tin người mua, ngoài thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế thì sử dụng số định danh cá nhân của người mua hoặc mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách để phục vụ cho các đơn vị quyết toán sử dụng kinh phí từ NSNN .

ĐM2: Bổ sung điểm a.1 K6 nội dung tên hàng hóa, dịch vụ: đối với kinh doanh dịch vụ ăn uống thì trên hóa đơn thể hiện *mặt hàng ăn, uống*; trường hợp kinh doanh vận tải thì trên hóa đơn phải thể hiện *biển kiểm soát phương tiện vận tải, hành trình (điểm đi-điểm đến)*; đối với doanh nghiệp kinh doanh vận tải cung cấp dịch vụ vận tải trên nền tảng số, hoạt động thương mại điện tử thì phải thể hiện *tên hàng hóa vận chuyển, thông tin tên, địa chỉ, mã số thuế hoặc số định danh người gửi hàng*.

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

2.3. Nội dung của hóa đơn (Điều 10)

ĐM3: Sửa đổi, bổ sung điểm a.3 K6 thêm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các trường hợp khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính được lập hóa đơn tổng sau khi đối soát dữ liệu và được sử dụng bảng kê kèm theo hóa đơn.

Bổ sung Trường hợp khuyến mại hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thương mại; cho, biếu, tặng hàng hóa, dịch vụ phù hợp với quy định pháp luật thì được lập hóa đơn tổng giá trị khuyến mại, cho, biếu, tặng kèm theo danh sách khuyến mại, cho, biếu, tặng.

ĐM 4: Quy định rõ trong trường hợp thời điểm lập hóa đơn và thời điểm ký số khác nhau thì thời điểm ký số và thời điểm gửi cơ quan thuế cấp mã đối với hóa đơn có mã của cơ quan thuế hoặc thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế đối với hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế **chậm nhất là ngày làm việc tiếp theo kể từ thời điểm lập hóa đơn** (trừ trường hợp gửi dữ liệu theo bảng tổng hợp quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 22). **Người bán khai thuế theo thời điểm lập hóa đơn; thời điểm khai thuế đối với người mua là thời điểm nhận hóa đơn đảm bảo đúng, đầy đủ về hình thức và nội dung theo quy định.**

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

2.3. Nội dung của hóa đơn (Điều 10)

ĐM 5: Sửa đổi, bổ sung K14 về trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ nội dung:

Quy định rõ hóa đơn điện tử bán xăng dầu cho khách hàng là cá nhân không kinh doanh thì *không nhất thiết phải có các chỉ tiêu: tên, địa chỉ, mã số thuế người mua, chữ ký số của người mua.*

Bổ sung quy định về một số nội dung không nhất thiết phải có trên hóa đơn điện tử của hoạt động kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng: *tên, địa chỉ, mã số thuế của người mua, chữ ký số của người mua.*

ĐM6: Bổ sung K17 quy định hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

2.4. Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền (Điều 11)- 2 điểm mới

ĐM1: Sửa đổi, bổ sung K1 để bổ sung đối tượng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu với cơ quan thuế: *Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại khoản 1 Điều 51 có mức doanh thu hàng năm từ 01 tỷ đồng trở lên, khoản 2 Điều 90, khoản 3 Điều 91 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và doanh nghiệp có hoạt động bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, trong đó có bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); ăn uống; nhà hàng; khách sạn; dịch vụ vận tải hành khách, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, dịch vụ nghệ thuật, vui chơi, giải trí, hoạt động chiếu phim, dịch vụ phục vụ cá nhân khác theo quy định về Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam).*

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

2.4. Hóa đơn khởi tạo từ máy tính tiền (Điều 11)

ĐM 2: Bổ sung K3 để quy định cụ thể nội dung trên hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền:

- Tên, địa chỉ, mã số thuế người bán;
- Tên, địa chỉ, mã số thuế/số định danh cá nhân/số điện thoại của người mua theo quy định (nếu người mua yêu cầu);
- Tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ phải ghi rõ nội dung giá bán chưa thuế giá trị gia tăng, thuế suất thuế giá trị gia tăng, tiền thuế giá trị gia tăng, tổng tiền thanh toán có thuế giá trị gia tăng;
- Thời điểm lập hóa đơn;
- Mã của cơ quan thuế hoặc dữ liệu điện tử để người mua có thể truy xuất, kê khai thông tin hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

Người bán gửi hoá đơn điện tử cho người mua bằng hình thức điện tử (tin nhắn, thư điện tử và các hình thức khác) hoặc cung cấp đường dẫn hoặc mã QR để người mua tra cứu, tải hoá đơn điện tử.

II. Điểm mới về lập và sử dụng hóa đơn

2.5. Áp dụng hóa đơn điện tử khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (Điều 13) – 3 điểm mới

ĐM1: Bổ sung tại điểm a.1.4.4 và a.2.1.4, a.1.4.5 và a.2.1.5 K2 02 trường hợp được cấp hóa đơn điện tử (hóa đơn giá trị gia tăng, hóa đơn bán hàng) có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh:

- Doanh nghiệp đang làm thủ tục phá sản nhưng vẫn có hoạt động kinh doanh dưới sự giám sát của Tòa án;

- Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong thời gian giải trình hoặc bổ sung tài liệu.

ĐM 2: Bổ sung điểm b K2 quy định rõ việc nộp thuế khi cấp hóa đơn từng lần phát sinh. Việc khai hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế;

ĐM3: Bổ sung điểm b K2 quy định điều chỉnh hoặc thay thế đối với hóa đơn cấp từng lần phát sinh và tham chiếu Điều 19 của ND.

III. Điểm mới về điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã lập

Thay thế, điều chỉnh hóa đơn điện tử (Điều 19) – 11 điểm mới

ĐM1: Sửa đổi, bổ sung K1 Đ19 bỏ quy định hủy hóa đơn đã lập, chỉ còn điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã lập

Trước đây: Người bán được hủy hóa đơn đã lập trong trường hợp chưa gửi cho người mua

ĐM2: Bổ sung điểm b K1 Đ19 quy định trường hợp trong tháng người bán đã lập sai cùng thông tin về người mua, tên hàng, đơn giá, thuế suất trên nhiều hóa đơn của cùng một người mua trong cùng tháng thì người bán được lập một hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế cho nhiều hóa đơn điện tử đã lập sai trong cùng tháng và đính kèm bảng kê các hóa đơn điện tử đã lập sai

Trước đây: Chưa có quy định này

ĐM3: Sửa đổi, bổ sung điểm b K1 Đ19 quy định trước khi điều chỉnh hoặc thay thế hóa đơn điện tử đã lập sai, đối với người mua là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: *người bán, người mua phải có văn bản thỏa thuận ghi rõ nội dung sai*; trường hợp người mua là cá nhân thì người bán thông báo cho người mua hoặc thông báo trên website của người bán; Người bán thực hiện lưu giữ văn bản thỏa thuận tại đơn vị và xuất trình khi có yêu cầu.

Trước đây: Chưa quy định rõ

III. Điểm mới về điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã lập

ĐM 4: Sửa đổi bổ sung K2, K3 Đ19 quy định rõ: Trường hợp cơ quan thuế phát hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế đã lập sai thì cơ quan thuế thông báo cho người bán để người bán kiểm tra nội dung sai và người bán có trách nhiệm rà soát theo thông báo của cơ quan thuế và thực hiện điều chỉnh, thay thế hóa đơn theo quy định.

Đồng thời, quy định việc tiếp nhận thông báo điều chỉnh, thay thế hóa đơn do *Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (Nay là Cục Thuế) tự động thực hiện, bỏ quy định* trong 01 ngày làm việc cơ quan thuế phải thông báo về việc tiếp nhận và xử lý hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế của NNT.

III. Điểm mới về điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã lập

- ❖ **ĐM5: Bổ sung điểm a K4** quy định về điều chỉnh đối với các hóa đơn điện tử đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không bị sai nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử mới đối với số chênh lệch qua quyết toán phản ánh theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh (phát sinh giảm ghi âm (-) hoặc phát sinh tăng ghi dương (+) phù hợp với thực tế). **Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh**
=> Trước đây chưa có quy định cụ thể
- ❖ **ĐM6: Bổ sung điểm a K4** quy định trường hợp việc chiết khấu thương mại căn cứ vào số lượng, doanh số hàng hóa, dịch vụ thì số tiền chiết khấu của hàng hóa, dịch vụ đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau đảm bảo số tiền chiết khấu không vượt quá giá trị hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn của lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp sau hoặc được lập hóa đơn điều chỉnh kèm theo bảng kê các số hóa đơn cần điều chỉnh, số tiền, tiền thuế điều chỉnh. Bảng kê được lưu tại đơn vị và xuất trình khi cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu. **Căn cứ vào hóa đơn điều chỉnh, bên bán và bên mua kê khai điều chỉnh doanh thu mua, bán, thuế đầu ra, đầu vào tại kỳ lập hóa đơn điều chỉnh.**
=> Trước đây chưa có quy định cụ thể

III. Điểm mới về điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã lập

- ❖ **ĐM7:** Trường hợp người mua trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa (bao gồm cả trường hợp đổi hàng làm thay đổi giá trị của hàng hóa đã mua) thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh hoặc người mua lập hóa đơn điện tử giao cho người bán nếu hai bên có thỏa thuận; người bán, người mua thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định khi bán hàng hóa.

Trường hợp hàng hoá là tài sản thuộc diện phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật và tài sản đã được đăng ký theo tên người mua thì khi trả lại hàng hoá đảm bảo phù hợp với pháp luật liên quan, nếu người mua là đối tượng sử dụng hoá đơn điện tử thì người mua thực hiện lập hoá đơn trả lại hàng cho người bán.

Trường hợp hoàn phí, giảm phí, giảm hoa hồng môi giới bảo hiểm và các khoản chi để giảm thu khác theo quy định của pháp luật kinh doanh bảo hiểm: Căn cứ vào hóa đơn đã lập và biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh giao cho khách hàng tham gia bảo hiểm, không phân biệt đã chi tiền hay chưa chi tiền. Trên hóa đơn ghi rõ số tiền phí bảo hiểm hoàn, giảm, lý do hoàn, giảm. Biên bản được lưu giữ cùng với hóa đơn thu phí bảo hiểm tại doanh nghiệp và xuất trình khi có yêu cầu.

Người bán, người mua phải có đầy đủ hồ sơ, chứng từ liên quan đến việc trả lại hàng hoá, dịch vụ và phải xuất trình khi được yêu cầu.

=> Trước đây chưa có quy định người mua được lập hóa đơn trả lại hàng hóa

III. Điểm mới về điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã lập

- ❖ **ĐM8:** Trường hợp người bán đã lập hóa đơn khi thu tiền trước khi cung cấp dịch vụ hoặc lập hóa đơn thu tiền đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, nhà chuyển nhượng sau đó phát sinh việc huỷ hoặc chấm dứt giao dịch và hủy một phần việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện điều chỉnh hóa đơn điện tử đã lập.
- ❖ **ĐM9:** Trường hợp tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt đã lập hóa đơn thu phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng sau đó phát sinh giao dịch hoàn phí dịch vụ thanh toán thẻ ngân hàng cho đơn vị chấp nhận thẻ thì tổ chức tín dụng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 19, trên hóa đơn điều chỉnh không cần có thông tin “Điều chỉnh cho hóa đơn số.... Mẫu số... ký hiệu... ngày...tháng...năm.”
- ❖ **ĐM10:** trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông mà khách hàng sử dụng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động để thanh toán cho cước dịch vụ trả sau, nhận tin ủng hộ từ thiện, các dịch vụ viễn thông khác được chấp nhận thanh toán bằng thẻ trả trước dịch vụ viễn thông di động theo quy định của pháp luật và khi bán thẻ cào, hoàn thành cung cấp dịch vụ doanh nghiệp viễn thông đã thực hiện lập hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định, doanh nghiệp viễn thông căn cứ vào dữ liệu trên bảng kê hoặc biên bản làm việc với đối tác, khách hàng để thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh.

III. Điểm mới về điều chỉnh, thay thế hóa đơn đã lập

❖ **ĐM 11:** Bổ sung quy định mới tại K4 Đ19 về Áp dụng hóa đơn điều chỉnh, thay thế

a) Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập sai và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, sau đó lại phát hiện hóa đơn sai thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý lần đầu;

b) Trường hợp theo quy định hóa đơn điện tử được lập không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn đã lập sai thì người bán chỉ thực hiện lập hóa đơn điều chỉnh;

c) Đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn điều chỉnh thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh;

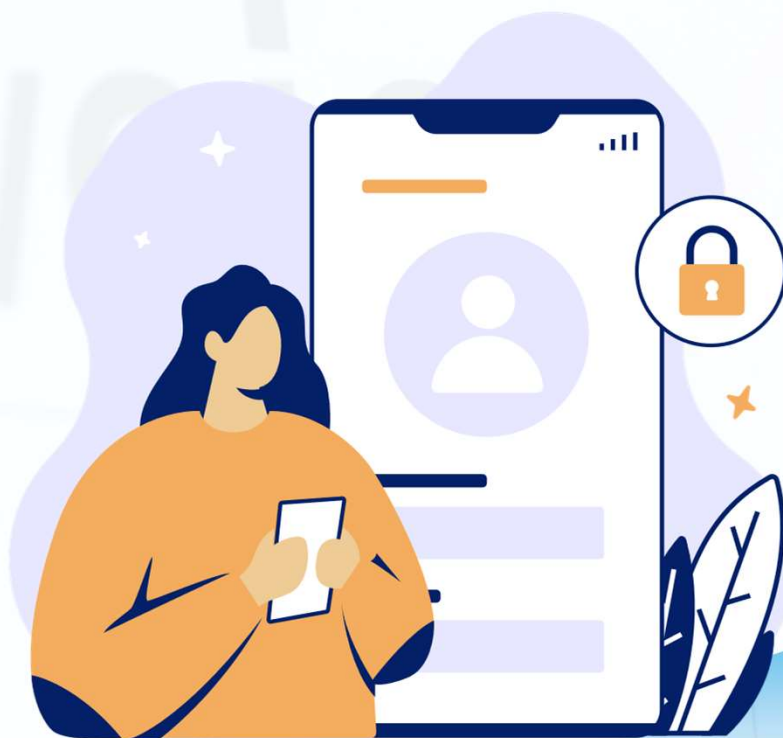
d) Hóa đơn điều chỉnh, hóa đơn thay thế đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 19 thì người bán, người mua khai bổ sung vào kỳ phát sinh hóa đơn bị điều chỉnh, bị thay thế;

đ) Hóa đơn điều chỉnh đối với trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 19 thì người bán kê khai vào kỳ phát sinh hóa đơn điều chỉnh, người mua kê khai vào kỳ nhận được hóa đơn điều chỉnh.

IV. Điểm mới về đăng ký hóa đơn, ngừng sử dụng hóa đơn

4.1. Đăng ký, thay đổi nội dung đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 15)

ĐM1: Bổ sung đối tượng được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (*Nay là Cục Thuế*) : bao gồm cơ quan thuế, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức, xử lý tài sản công theo quy định; bổ sung quy định về đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của nhà cung cấp nước ngoài thông qua Cổng thông tin điện tử dành cho nhà cung cấp nước ngoài của Tổng cục Thuế - nay là Cục Thuế (khoản 1)



IV. Điểm mới về đăng ký hóa đơn, ngừng sử dụng hóa đơn

- ❖ **ĐM2:** Sửa đổi, bổ sung điểm 1a K1 Đ15 quy định thủ tục đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử hệ thống sẽ tự động (1) **đối chiếu thông tin** (bao gồm thông tin sinh trắc học theo quy định về định danh và (2) yêu cầu xác thực điện tử của Chính phủ và lộ trình của cơ quan thuế) **với Hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc theo dữ liệu tại Hệ thống Định danh và xác thực điện tử qua địa chỉ thư điện tử, số điện thoại đăng ký của người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân.** Thời hạn NNT phải xác nhận chậm nhất ngày làm việc tiếp theo.
- ❖ **ĐM3:** Sửa đổi, bổ sung điểm 1c K1 Đ15 quy định trường hợp người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân **đã từng hoặc đang là người đại diện theo pháp luật, đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc chủ doanh nghiệp tư nhân khác mà người nộp thuế đó có trạng thái mã số thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, người nộp thuế ngừng hoạt động chưa đóng mã số thuế, người nộp thuế tạm ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế; người nộp thuế có hành vi vi phạm về thuế, hóa đơn, chứng từ; người nộp thuế rủi ro về thuế cao theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính thì trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu theo Mẫu số 01/TB-BSTT-NNT ban hành kèm theo Nghị định số 126/2020/NĐ-CP gửi cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp thực hiện xác minh hoạt động thực tế tại địa chỉ đã đăng ký của người nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.**

IV. Điểm mới về đăng ký hóa đơn, ngừng sử dụng hóa đơn

- ❖ **ĐM4: Bổ sung điểm a, b K4 Đ15 quy định** Người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử do thay đổi thông tin về người đại diện theo pháp luật; đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, thành viên góp vốn, chủ sở hữu thì trình tự thủ tục thực hiện như đăng ký mới sử dụng hóa đơn điện tử.

Trường hợp người nộp thuế thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử không thuộc quy định trên thì xác nhận qua địa chỉ thư điện tử hoặc điện thoại của chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật theo thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế.

- ❖ **ĐM5: Bổ sung điểm c K4 Đ15 quy định** Trường hợp công ty mẹ cần khai thác dữ liệu của các chi nhánh, đơn vị phụ thuộc thì thông báo tới cơ quan thuế quản lý trực tiếp công ty mẹ theo Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT.

4.2. Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 16)

ĐM1: Các trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (khoản 1)

Ngoài 07 trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử đã được quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định **bổ sung** một số trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử như sau:

(1) **điểm c K1 Đ15:** Người nộp thuế tạm ngừng sử dụng HĐĐT theo văn bản gửi cơ quan thuế; hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh theo thông báo của cơ quan thuế;

(2) **điểm e K1 Đ15:** Có hành vi lập HĐĐT phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ bị cơ quan chức năng khởi tố; cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án có văn bản đề nghị cơ quan thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử;

(3) **điểm g K1 Đ15:** Cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hóa đơn;

4.2. Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (Điều 16)

ĐM1: Các trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử (khoản 1)

(4) **điểm h K1 Đ15:** Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang áp dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT có thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đáp ứng điều kiện sử dụng HĐĐT khởi tạo từ MTT thì cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền.

(5) **điểm i K1 Đ15:** Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu cơ quan thuế xác định doanh nghiệp có hành vi trốn thuế, doanh nghiệp được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng HĐĐT không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp HĐĐT để trốn thuế theo quy định thì cơ quan thuế ban hành thông báo ngừng sử dụng HĐĐT; doanh nghiệp bị xử lý theo quy định.

(6) **điểm k K1 Đ15** Người nộp thuế có hành vi trốn thuế; người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro người nộp thuế thì cơ quan thuế thực hiện ngừng sử dụng HĐĐT.

IV. Điểm mới về đăng ký hóa đơn, ngừng sử dụng hóa đơn

❖ **ĐM2: Sửa đổi bổ sung K2 Đ16** trình tự thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo 04 thủ tục khác nhau tương ứng với từng trường hợp ngừng sử dụng hóa đơn điện tử được quy định tại khoản 1 Điều 16, cụ thể:

(1) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động ngừng tiếp nhận hóa đơn điện tử và không cần gửi thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cho NNT nếu NNT thuộc các trường hợp:

- a) Chấm dứt hiệu lực mã số thuế;
- b) Trường hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;
- c) hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chuyển đổi phương pháp từ kê khai sang phương pháp khoán hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh theo thông báo của cơ quan thuế;
- d) Có thông báo của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế;

=> Hệ thống căn cứ ngày hiệu lực các thông báo, quyết định để tự động ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

IV. Điểm mới về đăng ký hóa đơn, ngừng sử dụng hóa đơn

❖ **ĐM2:** (2) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (nay là Cục Thuế) tự động ngừng tiếp nhận và gửi thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử cho NNT thuộc các trường hợp sau của K1 Đ16:

c) NNT thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng kinh doanh; tạm ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo văn bản gửi cơ quan thuế;

h) NNT đang áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có thay đổi ngành nghề kinh doanh dẫn đến không đáp ứng điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định thì cơ quan thuế ra thông báo người nộp thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền;

=> Hệ thống căn cứ ngày hiệu lực các thông báo để tự động gửi thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử gửi NNT

IV. Điểm mới về đăng ký hóa đơn, ngừng sử dụng hóa đơn

❖ DM2:

(3) Thủ trưởng Cơ quan thuế quản lý trực tiếp ban hành thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử trong các trường hợp thuộc K1 Đ 16 sau:

e) Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán khống hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng có thẩm quyền phát hiện, khởi tố và thông báo cho cơ quan thuế; cơ quan công an, viện kiểm sát, tòa án có văn bản đề nghị cơ quan thuế ngừng sử dụng hóa đơn điện tử của tổ chức, cá nhân nêu trên;

i) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, nếu cơ quan thuế xác định doanh nghiệp người nộp thuế có hành vi trốn thuế, người nộp thuế được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử để trốn thuế theo quy định thì cơ quan thuế ban hành quyết định thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; doanh nghiệp người nộp thuế bị xử lý theo quy định của pháp luật.

- => Thủ trưởng CQT căn cứ các văn bản, thông báo của CQNN, đề nghị của các đoàn TTKT của CQT để ban hành thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử gửi NNT
- Trước đây: NNT thuộc điểm e, CQT yêu cầu giải trình, bổ sung thông tin tài liệu theo phương thức (4), nay chuyển sang CQT ban hành thông báo ngừng sử dụng hóa đơn điện tử luôn.

IV. Điểm mới về đăng ký hóa đơn, ngừng sử dụng hóa đơn

❖ DM2:

(4) Thủ trưởng cơ quan thuế trực tiếp gửi Thông báo đến người nộp thuế để yêu cầu người nộp thuế giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu đối với các trường hợp thuộc K1 Đ16 sau đây.

đ) Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, bị cơ quan chức năng có thẩm quyền phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

g) Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật. hoặc trường hợp cơ quan có thẩm quyền phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế người nộp thuế có hành vi vi phạm pháp luật về thuế và hóa đơn;

k) Trường hợp người nộp thuế thuộc diện rủi ro rất cao theo mức độ rủi ro người nộp thuế thì cơ quan thuế thực hiện ngừng sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

=> NNT phải giải trình, bổ sung thông tin tài liệu chậm nhất trong thời hạn 2 ngày làm việc, tối đa 2 lần giải trình, bổ sung thông tin tài liệu để chứng minh không vi phạm pháp luật. Việc giải trình được thực hiện tại CQT hoặc bằng văn bản

Trước đây: NNT thuộc điểm e) cũng thuộc phương thức này, nay bãi bỏ chuyển sang CQT ban hành thông báo ngừng luôn; đồng thời, bổ sung trường hợp thuộc điểm k: NNT thuộc diện rủi ro rất cao

V. Điểm mới về chứng từ điện tử

- ❖ **ĐM1:** Bổ sung điểm a K1 Đ30 về loại chứng từ là chứng từ khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số.
=> Đảm bảo phù hợp Luật GTGT số 48/2024/QH15 và Nghị định hướng dẫn Luật 56/2024/QH15 liên quan đến quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử và trách nhiệm khấu trừ của tổ chức kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số
- ❖ **ĐM2:** Bổ sung K2 Đ31 quy định về thời điểm ký số trên chứng từ điện tử ***là thời điểm tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí điện tử sử dụng chữ ký số để ký trên chứng từ điện tử được hiển thị theo định dạng ngày, tháng, năm của năm dương lịch***
=> ***Phù hợp với yêu cầu chứng từ điện tử***
- ❖ **ĐM3:** Sửa đổi bổ sung Đ32 để làm rõ hơn nội dung chứng từ điện tử
- ❖ **ĐM4:** Bổ sung một Điều : **Điều 32a. Quy định về lập và ủy nhiệm lập biên lai áp dụng đối với các tổ chức thu phí, lệ phí bằng phương thức biên lai giấy, biên lai điện tử**
=> **Trước đây quy định tại Điều 37, nay Điều này thay thế nội dung quy định tại Điều 37 và có bổ sung biên lai điện tử**

V. Điểm mới về chứng từ điện tử

- ❖ **ĐM5: Sửa đổi bổ sung Đ33** về định dạng chứng từ điện tử, theo đó, mọi tổ chức cá nhân sử dụng chứng từ điện tử theo định dạng chuẩn do CQT quy định và cung cấp trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử của TCT(nay là Cục Thuế), TCHQ hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ. Bỏ quy định tổ chức, cá nhân được tự xây dựng phần mềm để sử dụng chứng từ điện tử.

=> Trước đây, tổ chức chi trả tự cấp chứng từ điện tử cho NNT đảm bảo đầy đủ nội dung theo quy định và gửi bảng kê đến CQT

- ❖ **ĐM6: Sửa đổi bổ sung Đ34** về đăng ký sử dụng chứng từ điện tử. Theo đó, kể từ thời điểm cơ quan quản lý thuế chấp nhận đăng ký sử dụng biên lai, chứng từ điện tử theo quy định tại Nghị định này, Tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu các khoản nhập cá nhân, khấu trừ thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số, tổ chức thu các khoản thuế, phí, lệ phí phải ngừng sử dụng chứng từ điện tử đã thực hiện theo các quy định trước đây, tiêu hủy những biên lai, chứng từ giấy còn tồn chưa sử dụng (nếu có) theo quy định.

=> Trước đây: chưa có quy định này.

V. Điểm mới về chứng từ điện tử

- ❖ **ĐM7: Bổ sung Đ34a** quy định xử lý chứng từ điện tử đã lập sai tương tự như đối với hóa đơn đã được quy định tại Đ19 ND => lập chứng từ điều chỉnh, chứng từ thay thế

=> Trước đây chưa có quy định này

- ❖ **ĐM8: Bổ sung Đ34a** quy định về trách nhiệm của tổ chức sử dụng chứng từ điện tử, theo đó:

- Cấp chứng từ điện tử cho NNT;
- Gửi chứng từ điện tử đã cấp cho CQT ngay trong ngày cấp chứng từ
- Gửi báo cáo sử dụng biên lai điện tử đến CQT cùng với thời hạn khai phí, lệ phí

=> Trước đây chưa có quy định này

VI. Điểm mới về tra cứu, cung cấp, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử

ĐM1. Bổ sung đối tượng sử dụng thông tin hóa đơn điện tử (Điều 46) bao gồm các cơ quan thanh tra, tổ tụng, kiểm tra, kiểm toán.

ĐM2. Sửa đổi, bổ sung quy định về hình thức khai thác, sử dụng thông tin hóa đơn điện tử trên Cổng thông tin điện tử (Điều 47)

ĐM3. Sửa đổi, bổ sung quy định về đăng ký mới, bổ sung thông tin đăng ký, thu hồi tài khoản truy cập Cổng thông tin điện tử để khai thác sử dụng thông tin hóa đơn (Điều 49)



VII. Điểm mới về trách nhiệm của các bên liên quan

ĐM1: Trách nhiệm của người bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế (Điều 22)

(i) Bổ sung việc bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của nhà cung cấp ở nước ngoài tại Việt Nam hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số và các dịch vụ khác tại Việt Nam chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử theo Bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử gửi cơ quan thuế chậm nhất là thời hạn gửi tờ khai thuế giá trị gia tăng.

(ii) Bổ quy định việc chuyển tổng hợp dữ liệu các hóa đơn bán xăng dầu trong ngày theo từng mặt hàng.

(iii) Quy định rõ doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thực hiện chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế theo hình thức gửi trực tiếp sử dụng bình quân từ 1.000.000 hóa đơn một tháng trở lên (tính theo số lượng hóa đơn bình quân năm trước liền kề)

VII. Điểm mới về trách nhiệm của các bên liên quan

ĐM2. Nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử

Bổ sung Điều 22a quy định nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử với khách hàng: bao gồm nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử; nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức kết nối nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử để đảm bảo quyền và lợi ích của người sử dụng dịch vụ hóa đơn điện tử.



VII. Điểm mới về trách nhiệm của các bên liên quan

ĐM3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử

Bổ sung Điều 34b quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khấu trừ thuế thu nhập cá nhân, tổ chức thu thuế, phí, lệ phí khi sử dụng chứng từ điện tử như: quản lý tên và mật khẩu của các tài khoản được cơ quan thuế cấp; trách nhiệm khi lập chứng từ điện tử, chuyển dữ liệu chứng từ điện tử đến cơ quan thuế, việc lưu trữ và bảo đảm tính toàn vẹn của toàn bộ chứng từ và chấp hành sự thanh tra, kiểm tra, đối chiếu của cơ quan quản lý thuế và các cơ quan có thẩm quyền.



VII. Điểm mới về trách nhiệm của các bên liên quan

ĐM4. Quyền và trách nhiệm của người mua hàng hóa, dịch vụ

Bổ sung Điều 56 quy định người mua hàng có quyền: *tra cứu, nhận file gốc hóa đơn điện tử của người bán; sử dụng hóa đơn hợp pháp theo quy định pháp luật cho các hoạt động kinh doanh; để chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu hàng hóa, dịch vụ; xóa sổ hoặc được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật; được dùng để hạch toán kế toán hoạt động mua hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về kế toán; kê khai các loại thuế; đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu và để kê khai thanh toán vốn ngân sách nhà nước theo các quy định của pháp luật. Hóa đơn dùng cho mục đích này phải là hóa đơn có thông tin xác định được người mua.*

ĐM5. Bổ sung Điều 57a quy định trách nhiệm của cơ quan hải quan trong quản lý chứng từ điện tử

VII. Điểm mới về trách nhiệm của các bên liên quan

ĐM6. Trách nhiệm chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu hóa đơn điện tử

Bổ sung tại khoản 3 Điều 58 quy định tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt thuộc đối tượng sử dụng tem theo quy định pháp luật thực hiện quét mã QR cho sản phẩm sản xuất tại Việt Nam trước khi tiêu thụ trong nước hoặc sản phẩm sản xuất tại nước ngoài khi nhập khẩu để đảm bảo kết nối thông tin về in và sử dụng tem, tem điện tử giữa tổ chức sản xuất, nhập khẩu với cơ quan quản lý thuế.



VIII. Một số nội dung khác

ĐM1. Xử lý chuyển tiếp (Điều 60)

Bổ sung quy định: Trường hợp tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thuộc diện áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền theo quy định tại Nghị định này nhưng chưa có máy tính tiền do chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin, giải pháp xuất hóa đơn điện tử từ máy tính tiền thì cơ quan thuế có kế hoạch, giải pháp hỗ trợ và thông báo đến người nộp thuế về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Trường hợp người nộp thuế đã được cơ quan thuế hỗ trợ và thông báo về việc chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nhưng không chuyển đổi thì được xác định là hành vi vi phạm quy định về sử dụng hóa đơn, cơ quan thuế phối hợp với cơ quan chức năng để xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

VIII. Một số nội dung khác

ĐM2. Trách nhiệm thi hành (Điều 61): Bổ sung trách nhiệm của Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố về việc triển khai Nghị định

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức triển khai giải pháp hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, hóa đơn điện tử đối với hoạt động thương mại điện tử.

3. Bộ Công Thương có trách nhiệm triển khai các giải pháp để quản lý toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại điện tử và phối hợp với Bộ Tài chính triển khai các giải pháp hóa đơn điện tử đối với hoạt động thương mại điện tử theo quy định tại Nghị định này.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp để triển khai thực hiện Nghị định này. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan thuế để rà soát, phân loại và có giải pháp thúc đẩy người nộp thuế chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền. Trường hợp người nộp thuế thuộc diện triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nhưng chưa thực hiện chuyển đổi do chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin thì cơ quan thuế báo cáo Ủy ban nhân dân để có giải pháp hỗ trợ kịp thời về hạ tầng công nghệ thông tin; trường hợp người nộp thuế thuộc diện triển khai hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền nhưng không thực hiện chuyển đổi thì cơ quan thuế báo cáo Ủy ban nhân dân để chỉ đạo các cơ quan ban ngành địa phương phối hợp để xử lý vi phạm về hành vi không xuất hóa đơn khi bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định, xử lý về đăng ký kinh doanh do vi phạm pháp luật thuế và hóa đơn. Cơ quan thuế tham mưu Ủy ban nhân dân phối hợp với Hội bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam để phát động và triển khai các phong trào người tiêu dùng văn minh thực hiện lấy hóa đơn khi mua hàng hóa, dịch vụ nhằm lan tỏa chủ trương chính sách của Nhà nước.

IX. Sửa đổi, bổ sung một số biểu mẫu

- Bổ sung Mẫu số 01/BK-ĐCTT, Mẫu số 01/TH-DT, Mẫu số 04/SS-CTĐT vào Phụ lục IA; bổ sung Mẫu số 01/TB-NSD tại Phụ lục IB ban hành kèm theo Nghị định này.
- Sửa đổi, bổ sung Mẫu số 01/ĐKTĐ-HĐĐT, Mẫu số 04/SS-HĐĐT, Mẫu số 06/ĐN-PSĐT, Mẫu số 01/TH-HĐĐT, Mẫu số BC26/BLĐT, Mẫu số 01/ĐKTĐ-CTĐT tại Phụ lục IA, Mẫu số 01/TB-TNĐT, Mẫu số 01/TB-ĐKĐT, Mẫu số 01/TB-SSĐT, Mẫu số 01/TB-KTDL, Mẫu số 01/TB-KTT tại Phụ lục IB, Mẫu số 03/TNCN tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Các Thông tư hướng dẫn Nghị định số 70/2025/NĐ-CP

01 Thông tư thay thế Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn một số nội dung về hóa đơn, chứng từ theo quy định tại Luật Quản lý thuế ngày 13/06/2019, Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020, Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/03/2025

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến theo công văn số 4152/BTC-CT ngày 02/04/2025
Cục Thuế có công văn số 412/CT-CS ngày 02/04/2025 gửi các Chi cục Thuế khu vực về dự thảo Thông tư

02 Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2021/TT-BTC ngày 30/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem điện tử rượu và tem điện tử thuốc lá

Bộ Tài chính đang lấy ý kiến theo công văn số 3019/BTC-CT ngày 13/03/2025

Phần 3: Thông tư 88/2021/TT-BTC về chế độ kế toán các hộ KD, Cá nhân kinh doanh

❖ Phạm vi điều chỉnh (Đ.1)

Thông tư 88/2021/TT-BTC hướng dẫn việc lập chứng từ kế toán và ghi sổ kế toán của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

❖ Đối tượng áp dụng (Đ.2)

1. Đối tượng áp dụng của Thông tư là các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai theo quy định của pháp luật về thuế.
2. Các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thuộc diện phải thực hiện chế độ kế toán nhưng có nhu cầu thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư này thì được khuyến khích áp dụng.

Phần 3: Thông tư 88/2021/TT-BTC về chế độ kế toán các hộ KD, Cá nhân kinh doanh

❖ Tổ chức công tác kế toán (Đ.3)

1. Việc bố trí người làm kế toán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quyết định. Người đại diện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thể bố trí cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh hoặc bố trí người làm quản lý, điều hành, thủ kho, thủ quỹ, người được giao nhiệm vụ thường xuyên mua, bán tài sản kiêm nhiệm làm kế toán cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện chế độ kế toán hướng dẫn tại Thông tư này hoặc được lựa chọn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp siêu nhỏ cho phù hợp với nhu cầu quản lý và đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được vận dụng các quy định tại Điều 41 Luật Kế toán và các Điều 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 để bảo quản, lưu trữ các tài liệu kế toán nhằm phục vụ cho việc xác định nghĩa vụ thuế của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh với ngân sách nhà nước và công tác quản lý hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh của cơ quan thuế.

❖ Chứng từ kế toán (Đ.4)

1. Nội dung chứng từ kế toán, việc lập, lưu trữ và ký chứng từ kế toán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được vận dụng theo quy định tại Điều 16, Điều 18, Điều 19 Luật Kế toán và thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục 1 “Biểu mẫu và phương pháp lập chứng từ kế toán” ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được vận dụng các quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật Kế toán về việc lập và lưu trữ chứng từ kế toán dưới dạng điện tử để thực hiện cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
3. Nội dung, hình thức hóa đơn, trình tự lập, quản lý và sử dụng hóa đơn (kể cả hóa đơn điện tử) thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Phần 3: Thông tư 88/2021/TT-BTC về chế độ kế toán các hộ KD, Cá nhân kinh doanh

4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh áp dụng chứng từ kế toán theo danh mục sau đây:
Mục đích sử dụng, biểu mẫu, nội dung và phương pháp lập các chứng từ kế toán quy định tại Thông tư này được thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục 1 “Biểu mẫu và phương pháp lập chứng từ kế toán” ban hành kèm theo Thông tư này.

STT	Tên chứng từ	Ký hiệu
I	Các chứng từ quy định tại Thông tư này	
1	Phiếu thu	Mẫu số 01-TT
2	Phiếu chi	Mẫu số 02-TT
3	Phiếu nhập kho	Mẫu số 03-VT
4	Phiếu xuất kho	Mẫu số 04-VT
5	Bảng thanh toán tiền lương và các khoản thu nhập của người lao động	Mẫu số 05-LĐTL
II	Các chứng từ quy định theo pháp luật khác	
1	Hóa đơn	
2	Giấy nộp tiền vào NSNN	
3	Giấy báo Nợ, Giấy báo Có của ngân hàng	
4	Ủy nhiệm chi	

Phần 3: Thông tư 88/2021/TT-BTC về chế độ kế toán các hộ KD, Cá nhân kinh doanh

❖ **Sổ kế toán (Đ.5)**

1. Nội dung sổ kế toán, việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và lưu trữ sổ kế toán của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được vận dụng theo quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26 Luật Kế toán và thực hiện theo hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục 2 “Biểu mẫu và phương pháp ghi sổ kế toán” ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được vận dụng các quy định về việc mở sổ, ghi sổ, khóa sổ và lưu trữ sổ kế toán trên phương tiện điện tử theo quy định tại Điều 26 Luật Kế toán để thực hiện cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.
3. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được vận dụng các quy định về việc sửa chữa sổ kế toán tại Điều 27 Luật Kế toán để thực hiện cho phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Phần 3: Thông tư 88/2021/TT-BTC về chế độ kế toán các hộ KD, Cá nhân kinh doanh

❖ 4. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng các sổ kế toán theo danh mục sau đây:

STT	Tên sổ kế toán	Ký hiệu
1	Sổ chi tiết doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	Mẫu số S1- HKD
2	Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mẫu số S2-HKD
3	Sổ chi phí sản xuất, kinh doanh	Mẫu số S3-HKD
4	Sổ theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN	Mẫu số S4-HKD
5	Sổ theo dõi tình hình thanh toán tiền lương và các khoản nộp theo lương của người lao động	Mẫu số S5-HKD
6	Sổ quỹ tiền mặt	Mẫu số S6-HKD
7	Sổ tiền gửi ngân hàng	Mẫu số S7-HKD

❖ **Xác định doanh thu, chi phí, nghĩa vụ thuế (Đ.6)**

Việc xác định doanh thu, chi phí, nghĩa vụ thuế đối với từng lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế./.

Q & A
XIN TRÂN TRỌNG CẢM
ƠN!

Web: www.vtca.vn Email: Hoituvanthuevietnam@gmail.com